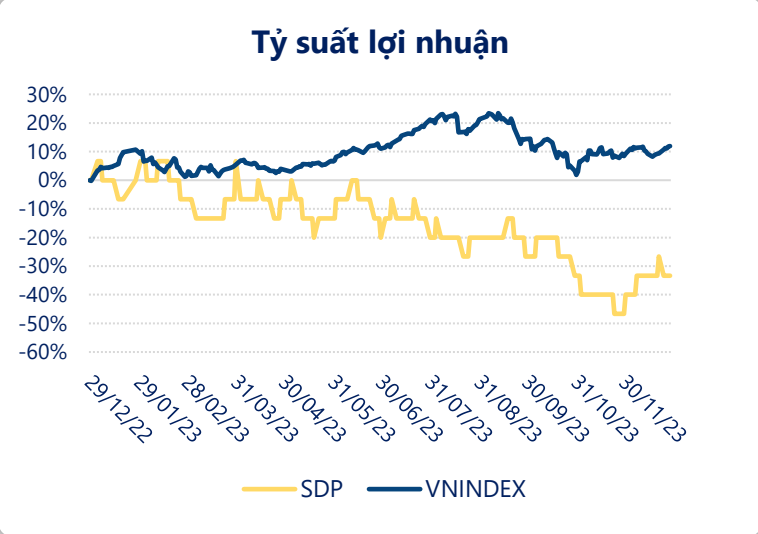
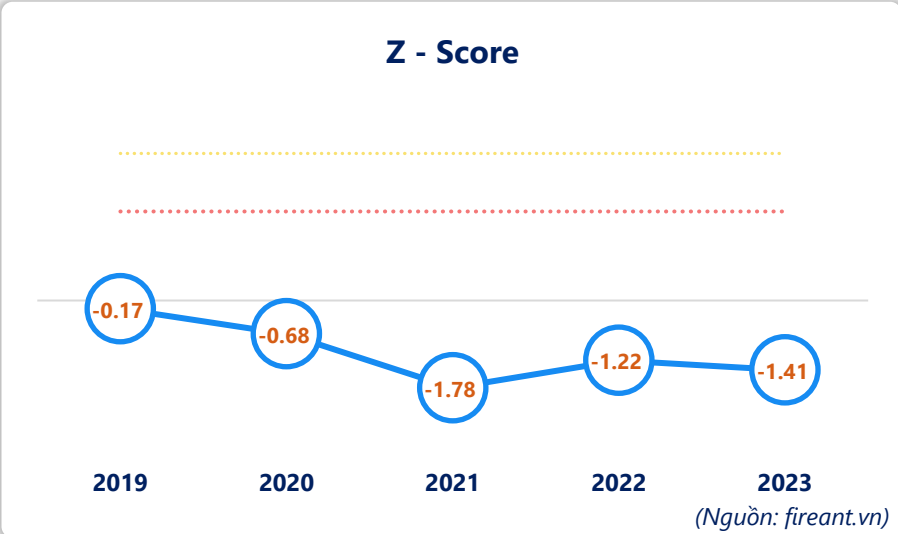
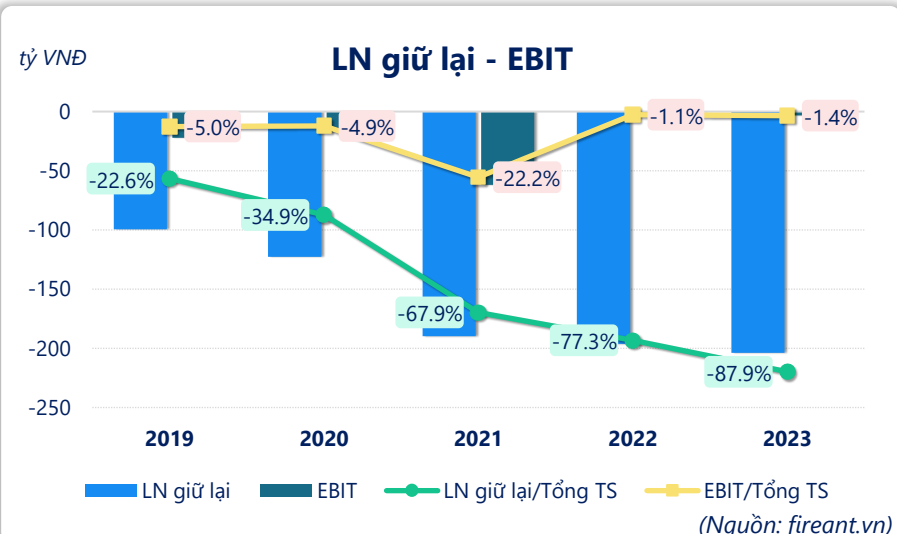
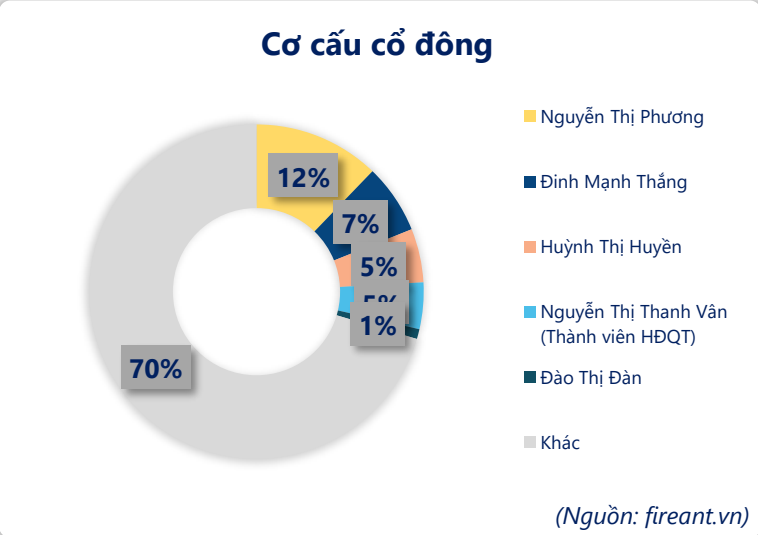
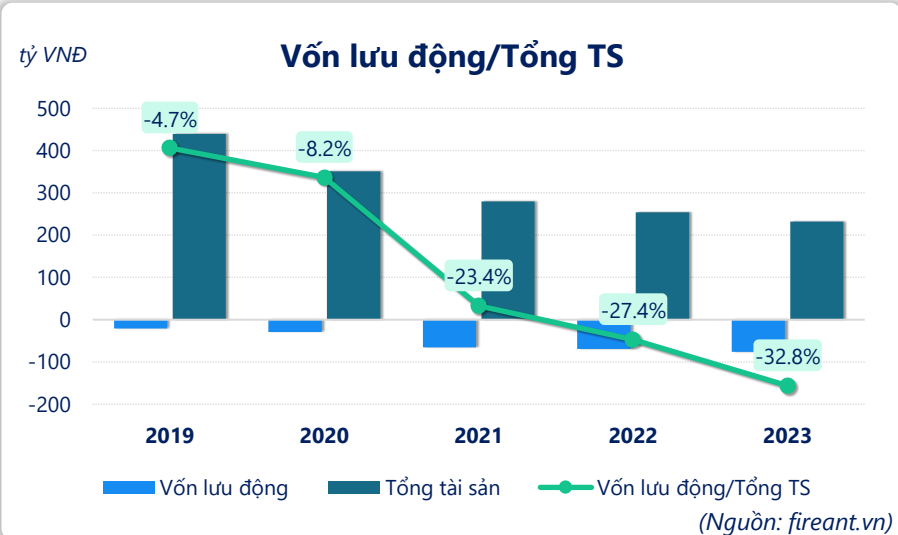
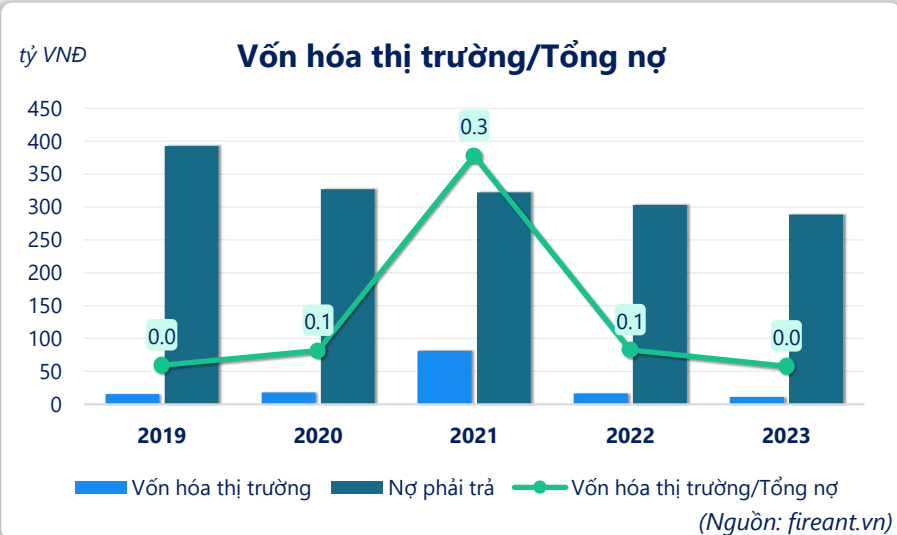


Ngày	1,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.1%	-9.1%	-23.1%

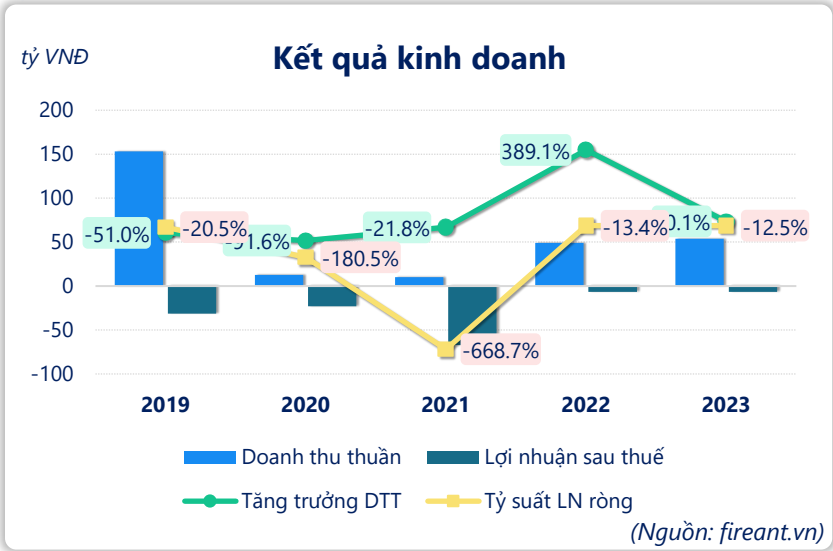
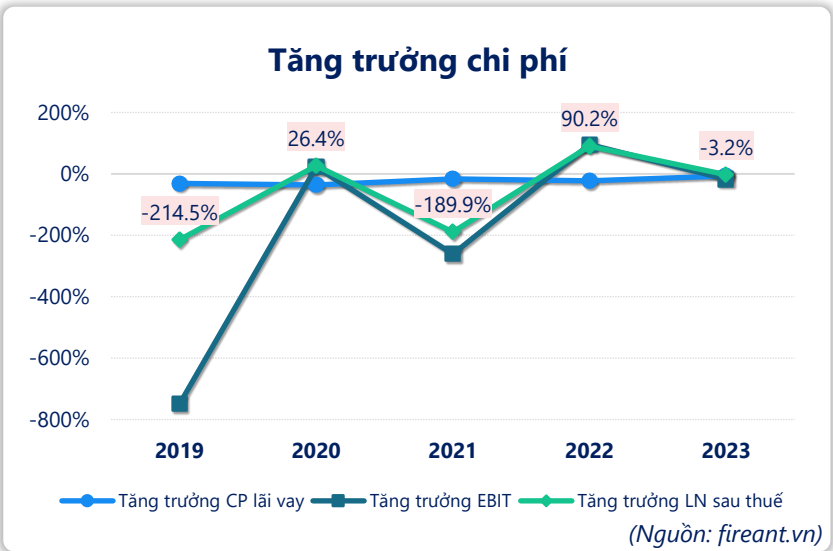
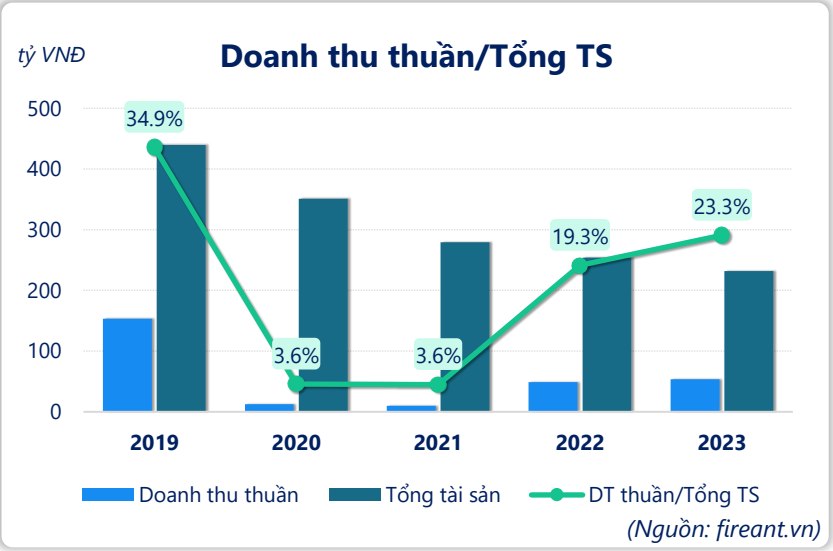
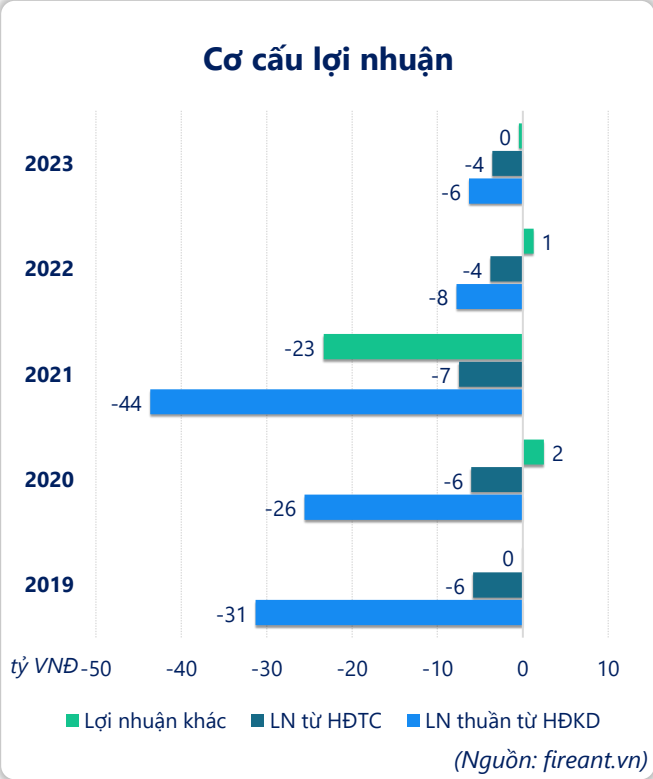
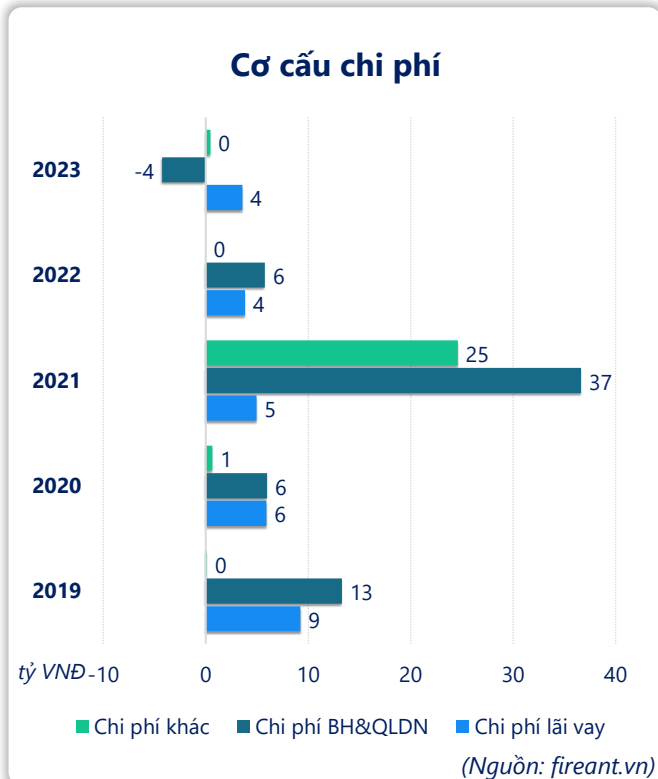
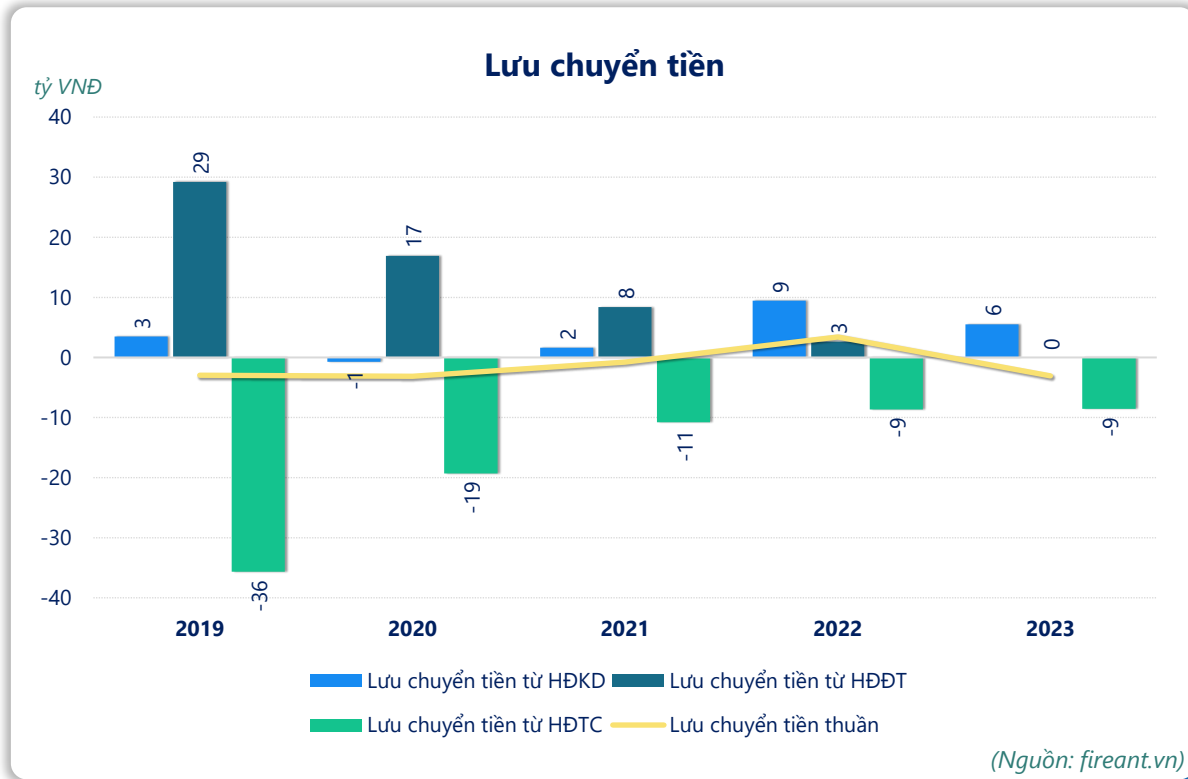
Hệ số nguy cơ phá sản	-1.41
Z - score (sản xuất)	(Caa3)
2023	Nguy hiểm

DT thuần	2023	YoY
53.9		▲ 4.90
tỷ VNĐ		▲ 10.1%

LN sau thuế	2023	YoY
-6.75		▼ 0.21
tỷ VNĐ		▼ 3.2%



CTCP SDP (UPCOM: SDP)



CÁC ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	233	254	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	214	234	-8.3%
Tiền và tương đương tiền	1.68	3.73	-54.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0.06	-36.2%
Phải thu ngắn hạn	199	186	7.3%
Hàng tồn kho	13.1	41.0	-68.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	2.92	-99.1%
Tài sản dài hạn	19.3	20.3	-4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.0	17.9	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.27	1.27	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.08	1.09	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	0	0.01	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	289	303	-4.7%
Nợ ngắn hạn	289	303	-4.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.1	35.7	-24.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	203	211	-4.1%
Nợ dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-55.3	-49.2	-12.4%
Vốn chủ sở hữu	-55.3	-49.2	-12.4%
Vốn điều lệ	111	111	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	153	12.8	10.0	49.0	53.9
Giá vốn hàng bán	165	26.4	9.53	47.2	60.9
Lợi nhuận gộp	-12.2	-13.6	0.48	1.80	-6.96
Doanh thu HĐTC	3.42	0.25	0.75	0.03	0.00
Chi phí TC	9.26	6.31	8.22	3.84	3.59
Chi phí lãi vay	9.24	5.91	4.95	3.84	3.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.29	0	0	0	0
Chi phí QLDN	13.0	5.98	36.6	5.78	-4.24
LN thuần từ HĐKD	-31.3	-25.6	-43.6	-7.79	-6.30
Lợi nhuận khác	-0.08	2.48	-23.3	1.24	-0.45
LN trước thuế	-31.4	-23.1	-67.0	-6.54	-6.75
Lợi nhuận sau thuế	-31.4	-23.1	-67.0	-6.54	-6.75
LNST của CĐ cty mẹ	-31.4	-23.1	-67.0	-6.54	-6.75

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.47	-0.74	1.62	9.47	5.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.2	16.9	8.38	2.62	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-35.6	-19.3	-10.8	-8.69	-8.56
Tiền đầu kỳ	7.22	4.26	1.12	0.33	3.73
Lưu chuyển tiền thuần	-2.96	-3.14	-0.80	3.40	-3.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	4.26	1.12	0.33	3.73	0.68

(Nguồn: fireant.vn)